TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1423/2025/DS-PT
Ngày: 13/11/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trung Dũng

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Hùng Cường - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Bà Đặng Kim Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 959/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 09/7/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 - Thành phố Hồ Chí Minh) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 6118/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 10 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 19586/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Kim Á, sinh năm 1975; địa chỉ: số B đường N, tổ H, khu phố F, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thu T, sinh năm 1964; địa chỉ: Số A N, khu phố F, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 24/9/2024), có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Bạch M, sinh năm 1973; địa chỉ: số A, tổ F, khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Bảo A, sinh năm 1998; địa chỉ: tổ A, ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) hoặc ông Nguyễn Huỳnh T1, sinh năm 2000; địa chỉ: số I, lô C, đường F, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Ông A và ông T1 cùng địa chỉ liên hệ: số F, đường P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 26/9/2024), ông A có mặt, ông T1 vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Trung M1, sinh năm 1965; địa chỉ thường trú: Số B L, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh); địa chỉ liên hệ: Số A, Tổ F, Khu phố E, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Bảo A, sinh năm 1998; địa chỉ: tổ A, ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là xã T, tỉnh Tây Ninh) hoặc ông Nguyễn Huỳnh T1, sinh năm 2000; địa chỉ: số I, lô C, đường F, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh). Ông A và ông T1 cùng địa chỉ liên hệ: số F, đường P, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh), là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 25/4/2025), ông A có mặt, ông T1 vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung M1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Lê Kim Á và đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Giữa bà Lê Kim Á và bà Nguyễn Thị Bạch M có mối quan hệ quen biết thân thiết với nhau, nên có sự tin tưởng và làm ăn chung thông qua việc mua bán đất từ năm 2015 cho đến tháng 9/2019 thì kết thúc việc mua bán đất.

Ngoài việc mua bán đất thì từ tháng 06/2019 đến ngày 10/7/2022 bà Á có cho bà M vay số tiền 1.520.000.000 đồng, trong đó bà Á đã 12 lần chuyển khoản cho bà M vay với số tiền 491.000.000 đồng (có sao kê chuyển khoản cụ thể), số tiền còn lại là 1.029.000.000 đồng bà Á cho bà M vay bằng tiền mặt. Việc vay mượn tiền này đã được bà M thừa nhận thông qua cuộc nói chuyện mà bà Á đã ghi âm và được bà M xác nhận tại giấy xác nhận nợ được viết vào một tờ giấy tập học sinh. Giấy xác nhận số tiền 1.520.000.000 đồng được bà M ghi vào một tờ giấy tập học sinh là nhằm xác nhận nợ với bà Á đối với số tiền 1.520.000.000 đồng, giấy xác nhận này được bà M lập (do bà M viết, ký tên lăn tay nhưng không ghi ngày/tháng/năm), bà Á xác định giấy xác nhận nợ đối với số tiền 1.520.000.000 đồng được lập vào khoảng tháng 3/2024. Đối với số tiền 10.750.000.000 đồng được ghi trong giấy xác nhận nợ cùng với số tiền 1.520.000.000 đồng thì số tiền này bà Á không tranh chấp với bà M, vì số tiền 10.750.000.000 đồng là số tiền liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất bà Á và bà M đã giải quyết xong.

Đối với số tiền 1.520.000.000 đồng bà Á cho bà M vay không có lãi suất, số tiền này được chuyển cho bà M vay nhiều lần, mặc dù không thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng sau khi bà M xác nhận nợ thì đã cam kết sẽ trả nợ cho bà Á nhưng bà M không trả.

Ngoài ra, năm 2023 bà Á còn cho bà M vay 06 lần tiền cụ thể như sau:

- Lần 1 ngày 11/01/2023: 60.000.000 đồng

- Lần 2 ngày 13/01/2023: 16.000.000 đồng.

- Lần 3 ngày 24/02/2023: 16.000.000 đồng.

- Lần 4 ngày 21/4/2023: 16.000.000 đồng.

- Lần 5 ngày 20/5/2023: 16.000.000 đồng.

- Lần 6 ngày 19/7/2023: 33.000.000 đồng.

Tổng cộng 157.000.000 đồng được thể hiện tại các sao kê tài khoản của ngân hàng.

Năm 2024, bà Á còn cho bà M vay 02 lần tiền cụ thể như sau:

- Ngày 21/3/2024: 50.000.000 đồng

- Ngày 24/3/2024: 33.000.000 đồng.

Tổng cộng là 83.000.000 đồng được thể hiện tại các sao kê tài khoản của ngân hàng.

Như vậy, tổng cộng bà Nguyễn Thị Bạch M đã vay của bà Lê Kim Á số tiền 1.760.000.000 đồng được thể hiện tại các sao kê tài khoản của Ngân hàng A1, Ngân hàng V và giấy xác nhận nợ.

Việc vay mượn không có lãi suất, không có thỏa thuận thời hạn trả nợ do quen biết thân thiết và bà M nói chỉ vay trong thời gian ngắn nên không thỏa thuận thời hạn trả nợ và lãi suất.

Bà Á đã nhiều lần yêu cầu bà M trả số tiền nợ nêu trên nhưng bà M không trả. Bà M không trả tiền cho bà Á khoản tiền vay nêu trên mà còn tố giác bà Á lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B liên quan đến việc mua bán đất. Trong khi việc mua bán đất giữa bà Á và bà M đã kết thúc từ năm 2019. Quá trình giải quyết đơn tố giác của bà M tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B bà Á cũng đã yêu cầu bà M trả số tiền vay nêu trên nhưng bà M không trả.

Vì vậy, bà Lê Kim Á khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Bạch M phải trả cho bà Lê Kim Á số tiền nợ gốc là 1.760.000.000 đồng. Không yêu cầu tính lãi suất.

Đối với yêu cầu khởi kiện (yêu cầu độc lập) của ông Nguyễn Trung M1 bà Lê Kim Á không đồng ý. Bà Á không vay tiền của ông M1, số tiền 150.000.000 đồng mà ông M1 chuyển vào tài khoản của bà Á theo Phiếu nộp tiền mặt ngày 27/11/2018 là giao dịch làm ăn mua bán đất từ năm 2015 giữa bà Á và bà M cho

đến tháng 9/2019. Giấy nộp tiền mặt ngày 27/11/2018 chỉ ghi nội dung là "NGUYEN TRUNG MINH NỘP TIỀN TK" không thể hiện nội dung vay mượn tiền giữa ông M1 và bà Á.

Nguyên đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ sau: Sao kê tài khoản ngân hàng, giấy báo nợ, chứng từ giao dịch, giấy xác nhận mượn tiền, vi bằng số 13/2025/VB-TPL ngày 17/01/2025.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch M và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Giữa bà Lê Kim Á và bà Nguyễn Thị Bạch M có sự quen biết thân thiết (gần tiến đến làm sui gia với nhau), nên có sự tin tưởng và làm ăn chung, thông qua việc mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ nhiều năm. Hiện nay, vợ chồng bà Nguyễn Thị Bạch M, ông Nguyễn Trung M1 có đơn tố giác bà Lê Kim Á tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B về hành vi chiếm đoạt tài sản trong quá trình mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim Á, bà Nguyễn Thị Bạch M không đồng ý vì bà M không có vay mượn tiền của bà Á như bà Á trình bày. Trước khi bà Á khởi kiện bà M, bà Á cũng không yêu cầu bà M trả nợ đối với những khoản tiền mà bà Á hiện đang khởi kiện bà M tại Tòa án.

Đối với số tiền 1.520.000.000 đồng, bà M không đồng ý với tài liệu chứng cứ bà Á cung cấp là giấy ghi số tiền 1.520.000.000 đồng. Bà M không thừa nhận chữ ký, chữ viết, dấu vân tay của mình trong giấy ghi số tiền 1.520.000.000 đồng (BL số 39) mà bà Á cung cấp. Bà M không yêu cầu trưng cầu giám định.

Đối với số tiền bà Á chuyển khoản cho bà M cụ thể: Lần 1 ngày 11/01/2023: 60.000.000 đồng; Lần 2 ngày 13/01/2023: 16.000.000 đồng; Lần 3 ngày 24/02/2023: 16.000.000 đồng; Lần 4 ngày 21/4/2023: 16.000.000 đồng; Lần 5 ngày 20/5/2023: 16.000.000 đồng; Lần 6 ngày 19/7/2023: 33.000.000 đồng.

Tổng cộng 157.000.000 đồng được thể hiện tại các sao kê của ngân hàng do bà Á cung cấp thì đây là số tiền bà Á chuyển khoản để trả nợ cho ông Nguyễn Trung M1 là chồng của bà M thông qua tài khoản của bà M. Do ngày 27/11/2018 ông M1 đã cho bà Á vay số tiền 150.000.000 đồng. Số tiền 157.000.000 đồng bà Á chuyển khoản cho bà M là để trả gốc và lãi cho ông M1 chồng của bà M. Đối với số tiền 157.000.000 đồng này, ông M1 đã có yêu cầu độc lập trong vụ án.

Đối với số tiền bà Á chuyển khoản cho bà M cụ thể: Ngày 21/3/2024: 50.000.000 đồng; Ngày 24/3/2024: 33.000.000 đồng.

Tổng cộng là 83.000.000 đồng được thể hiện tại các sao kê của ngân hàng do bà Á cung cấp thì bà M cũng không đồng ý với số tiền này. Vì bà M không vay của bà Á. Vì vậy, bà M không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Bị đơn giao nộp các tài liệu chứng cứ: Phiếu nộp tiền mặt ngày 27/11/2018, Quyết định không khởi tố vụ án hình sự, Thông báo về việc không khởi tố vụ án hình sự, Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm, Đơn khiếu nại, Hợp

đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hợp đồng ủy quyền.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung M1 và người đại diện hợp pháp của ông M1 trình bày:

Thống nhất như ý kiến của bị đơn. Đối với số tiền bà Á chuyển khoản cho bà M cụ thể: Lần 1 ngày 11/01/2023: 60.000.000 đồng; Lần 2 ngày 13/01/2023: 16.000.000 đồng; Lần 3 ngày 24/02/2023: 16.000.000 đồng; Lần 4 ngày 21/4/2023: 16.000.000 đồng; Lần 5 ngày 20/5/2023: 16.000.000 đồng; Lần 6 ngày 19/7/2023: 33.000.000 đồng.

Tổng cộng 157.000.000 đồng được thể hiện tại các sao kê của ngân hàng do bà Á cung cấp thì đây là số tiền bà Á chuyển khoản để trả nợ cho ông Nguyễn Trung M1 là chồng của bà M thông qua tài khoản của bà M. Do ngày 27/11/2018 ông M1 đã chuyển khoản cho bà Á vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 năm, lãi suất là 10%/năm (các bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói). Số tiền 157.000.000 đồng bà Á chuyển khoản cho bà M là để trả gốc và lãi cho ông M1 chồng bà M. Cụ thể, bà Á đã trả cho ông M1 thông qua số tài khoản của bà M với số tiền gốc là 130.000.000 đồng và 27.000.000 đồng tiền lãi suất. Đối với số tiền 157.000.000 đồng này, ông M1 đã có yêu cầu độc lập trong vụ án. Hiện nay, bà Á còn nợ ông M1 số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng. Nay ông M1 yêu cầu bà Á phải trả cho ông M1 số tiền nợ gốc còn lại là 20.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giao nộp tài liệu chứng cứ: Phiếu nộp tiền mặt ngày 27/11/2018.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 09/7/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Kim Á đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch M về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Buộc bà Nguyễn Thị Bạch M có trách nhiệm trả cho bà Lê Kim Á số tiền 1.760.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm sáu mươi triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung M1 đối với nguyên đơn bà Lê Kim Á về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/7/2025 bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung M1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng không đưa chồng của nguyên đơn bà Lê Kim Á vào tham gia tố tụng và không tạm đình chỉ giải quyết vụ án để đợi kết quả giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bạch M và ông Nguyễn Trung M1 đối với quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim Á đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch M là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Bạch M. Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Trung M1, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của ông M1 là không có căn cứ, kháng cáo của ông M1 là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông M1, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Trung M1.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà Lê Kim Á khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bạch M trả lại số tiền vay phát sinh từ giao dịch giữa cá nhân bà Á với bà M. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa chồng bà Lê Kim Á vào tham gia tố tụng là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc đưa thiếu người tham gia tố tụng là không có căn cứ.

[1.2] Đối với yêu cầu tạm đình chỉ giải quyết vụ án: Tại Tòa án cấp sơ thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm tạm đình chỉ giải quyết vụ án để đợi kết quả giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị Bạch M và ông Nguyễn Trung M1 đối với quyết định không khởi tố vụ án hình sự của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B. Xét thấy, yêu cầu trên của người đại diện hợp pháp nguyên đơn không thuộc các trường hợp tạm đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 214 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án cấp sơ thẩm không tạm đình chỉ giải quyết vụ án là có căn cứ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà Lê Kim Á khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch M, yêu cầu bà M trả tổng số tiền là 1.760.000.000 đồng, bao gồm: Số tiền 1.520.000.000 đồng tại Giấy xác nhận mượn tiền (bút lục 39) và 12 giấy báo nợ

của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A1 vào các ngày 10/6/2019, 08/7/2019, 07/8/2019, 07/9/2019, 09/10/2019, 09/11/2019, 10/12/2019, 09/01/2020, 10/03/2020, 09/5/2020, 08/6/2020, 09/7/2020 (bút lục 11-22); Số tiền 157.000.000 đồng, theo các chứng từ giao dịch ngày 11/01/2023, 13/01/2023, 24/02/2023, 21/4/2023, 20/5/2023, 19/7/2023 và số tiền 83.000.000 đồng, theo các chứng từ giao dịch ngày 21/3/2024 và 24/3/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần N – Chi nhánh B (bút lục 30-37).

[2.2] Đối với khoản nợ 1.520.000.000 đồng, nguyên đơn trình bày số tiền này bao gồm 491.000.000 đồng đã chuyển khoản (theo 12 giấy báo nợ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A1 vào các ngày 10/6/2019, 08/7/2019, 07/8/2019, 07/9/2019, 09/10/2019, 09/11/2019, 10/12/2019, 09/01/2020, 10/03/2020, 09/5/2020, 08/6/2020, 09/7/2020 (bút lục 11-22) và 1.029.000.000 đồng giao bằng tiền mặt. Khoản nợ này đã được bà M thừa nhận tại tờ giấy tập học sinh (bút lục 39). Trong quá trình tố tụng, bà M không thừa nhận khoản nợ và cũng không thừa nhận chữ ký, chữ viết và dấu vân tay tại tờ giấy tập học sinh là của mình.

[2.3] Xét, đối với số tiền 491.000.000 đồng, theo tài liệu chứng cứ là 12 giấy báo nợ của Ngân hàng TMCP A1 vào các ngày 10/6/2019, 08/7/2019, 07/8/2019, 07/9/2019, 09/10/2019, 09/11/2019, 10/12/2019, 09/01/2020, 10/03/2020, 09/5/2020, 08/6/2020, 09/7/2020 (bút lục 11-22) thể hiện bà Á đã chuyển tiền cho bà M. Chứng cứ trên đã được Ngân hàng TMCP A1 cung cấp thông tin tại Công văn số 02/CV-TA.25 ngày 07/3/2025 và Công văn số 05/CV-ABBTA.25 ngày 20/3/2025, xác nhận có việc chuyển tiền từ tài khoản thanh toán của bà Lê Kim Á đến tài khoản của bà Nguyễn Thị Bạch M vào các ngày nêu trên, nội dung của các lệnh chuyển tiền được thể hiện tại các Giấy báo nợ (bút lục 97, 101). Do đó, có căn cứ xác định bà Lê Kim Á đã cho bà Nguyễn Thị Bạch M vay 491.000.000 đồng thông qua 12 lần chuyển khoản.

[2.4] Ngoài chứng cứ chuyển khoản, bà Á còn cung cấp tờ giấy tập học sinh (bút lục 39) có nội dung: *"Phần Nguyễn Thị Bạch M trả cho Lê Kim Á tổng 10.750.000.000 đồng. Phần Nguyễn Thị Bạch M mượn của Lê Kim Á 1.520.000.000 đồng"*. Bà Á xác định nội dung ghi "*Phần Nguyễn Thị Bạch M mượn của Lê Kim Á 1.520.000.000 đồng*", do bà M viết để xác nhận tổng số tiền đã vay, bao gồm 491.000.000 đồng chuyển khoản và 1.029.000.000 đồng tiền mặt.

Bà M không thừa nhận chữ ký, chữ viết và dấu vân tay của mình trên giấy xác nhận nợ, đồng thời bà lại không yêu cầu Tòa án tiến hành giám định. Tuy nhiên, theo tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh B cung cấp, tại Kết luận giám định số 5787/KL-KTHS (TL-ĐV) ngày 18/12/2024 của Phòng K Công an tỉnh B (bút lục 118) đã kết luận:

"1. *Chữ ký, chữ viết họ tên, 01 (một) dấu vân tay mang tên "Nguyễn Thị Bạch M" và chữ viết trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký, chữ viết và dấu vân tay ngón trỏ phải của Nguyễn Thị Bạch M trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M6) là do cùng một người ký, viết và in ra*".

"2. *Chữ ký và chữ viết họ tên "Lê Kim Á" trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) so với chữ ký và chữ viết của Lê Kim Á trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M7 đến M13) do cùng một người ký và viết ra*".

Như vậy, căn cứ vào kết luận giám định, chữ ký, chữ viết và dấu vân tay trên giấy xác nhận nợ được xác định là của bà M. Mặc dù, bà M không thừa nhận việc vay tiền, nhưng bà Á đã chứng minh được có việc chuyển tiền cho vay và có xác nhận nợ hợp pháp từ bà M. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà Nguyễn Thị Bạch M có vay của bà Lê Kim Á số tiền 1.520.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.5] Đối với số tiền 157.000.000 đồng, được thể hiện qua 06 lần chuyển khoản, cụ thể: Lần 1 ngày 11/01/2023: 60.000.000 đồng; Lần 2 ngày 13/01/2023: 16.000.000 đồng; Lần 3 ngày 24/02/2023: 16.000.000 đồng; Lần 4 ngày 21/4/2023: 16.000.000 đồng; Lần 5 ngày 20/5/2023: 16.000.000 đồng; Lần 6 ngày 19/7/2023: 33.000.000 đồng. Theo tài liệu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần N cung cấp đã xác nhận có các giao dịch chuyển tiền từ tài khoản của bà Lê Kim Á đến tài khoản của bà Nguyễn Thị Bạch M vào những ngày nêu trên (bút lục 81-92).

[2.6] Bà M và ông M1 không đồng ý với yêu cầu này và cho rằng đây là số tiền bà Á trả nợ cho khoản vay 150.000.000 đồng mà ông M1 đã cho bà Á vay vào ngày 27/11/2018 theo Phiếu nộp tiền mặt cùng ngày. Theo đó, số tiền 157.000.000 đồng này bao gồm 130.000.000 đồng tiền gốc và 27.000.000 đồng tiền lãi. Hiện nay, bà Á còn nợ 20.000.000 đồng tiền gốc, ông M1 đã có yêu cầu độc lập, đề nghị Tòa án buộc bà Á trả số tiền này.

[2.7] Xét, tài liệu chứng cứ mà bà Á cung cấp và các sao kê do Tòa án thu thập tại Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B thể hiện nội dung chuyển tiền là *"Lê Kim Á chuyển tiền tới Nguyễn Thị Bạch M"*, *"Lê Kim Á chuyển cho mượn tới bà Nguyễn Thị Bạch M"*. Nội dung này không thể hiện việc bà Á trả nợ cho ông M1. Lời trình bày của ông M1 cũng không được bà Á thừa nhận và ông không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Ngoài ra, tại Phiếu nộp tiền mặt ngày 27/11/2018 không có nội dung thể hiện việc ông M1 cho bà Á vay tiền. Ông M1 không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh giữa hai bên có thỏa thuận vay tiền và thỏa thuận về lãi suất đối với khoản tiền 150.000.000 đồng. Bà Á trình bày cho rằng tại thời điểm năm 2018, giữa các bên chỉ có quan hệ mua bán đất, chưa phát sinh quan hệ vay mượn. Lời trình bày này là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Á, buộc bà M phải trả số tiền đã vay là 157.000.000 đồng, đồng thời không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông M1 về việc yêu cầu bà Lê Kim Á phải trả số tiền còn nợ 20.000.000 đồng đã vay theo Phiếu nộp tiền mặt ngày 27/11/2018, là có căn cứ.

[2.8] Đối với số tiền 83.000.000 đồng bà Lê Kim Á đã chuyển vào tài khoản của bà Nguyễn Thị Bạch M vào ngày 21/3/2024 là 50.000.000 đồng và ngày 24/3/2024 là 33.000.000 đồng. Theo kết quả cung cấp thông tin của Ngân hàng TMCP N – Chi nhánh B, xác thực nội dung ngày 21/3/2024 và ngày 24/3/2024 bà Á có chuyển vào tài khoản của bà M số tiền 83.000.000 đồng (bút lục 81-92). Tại

nội dung sao kê tài khoản của Ngân hàng thể hiện bà Á chuyển tiền cho bà M mượn. Do đó, Tòa án sơ thẩm xác định bà Á có cho bà M vay số tiền 83.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung M1 kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên kháng cáo của bà M, ông M1 không được chấp nhận.

[4] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa là phù hợp một phần.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trung M1.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2025/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Bạch M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007690 ngày 05/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Nguyễn Trung M1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007694 ngày 05/8/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND khu vực 15 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP (12), 72.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Mộng Tuyết